

Số: 91 /BC-UBND

Quài Nưa, ngày 26 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc thực hiện các chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn xã Quài Nưa năm 2020-2021

Thực hiện thông báo số 11/TB-UBND ngày 15/01/2022 của HĐND huyện Tuần Giáo. Về việc giám sát về việc thực hiện các chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn xã Quài Nưa năm 2020-2021

I. Khái quát chung

1. Tình hình chung

Quài Nưa là một xã phía Bắc của huyện Tuần Giáo có tổng diện tích đất tự nhiên là 5216,70 ha

- Phía Bắc giáp: Xã Mùn Chung
- Phía Đông giáp: xã Pú Nhung +Toả Tình
- Phía Nam giáp xã Quài Cang
- Phía Tây giáp: xã Mường Thín

Tổng số hộ 1436 hộ; 6258 khẩu; Có 04 dân tộc: (Kinh, Thái, Mông, Kháng) cùng sinh sống thuộc 12 thôn, bản.

Đời sống văn hóa, vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện và được nâng lên rõ rệt; Công tác xóa đói giảm nghèo được quan tâm và đã giảm dần theo từng năm; Tinh thần đoàn kết, dân chủ trong nhân dân ngày càng được phát huy mở rộng tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngày càng được giữ vững.

2. Thuận lợi

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của UBND huyện Tuần Giáo và các phòng ban chức năng của huyện về công tác quản lý và sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn xã từng bước được ổn định, phối hợp của các, ban ngành đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong công tác tuyên truyền pháp luật về đất đai.

3. Khó khăn vướng mắc

Việc tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về đất đai chưa được tuyên truyền thường xuyên, liên tục, trình độ, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật đất đai của một số người dân còn hạn chế, một số hộ dân còn có vi phạm về đất đai

II. Công tác quán triệt, triển khai các chính sách, pháp luật về quản lý sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện

1. Kết quả thực hiện

1.1 Công tác triển khai các văn bản

- Hàng năm UBND xã tiến hành triển khai quán triệt các văn bản về công tác quản lý và sử dụng đất đai của cấp trên (Như Luật Đất đai; các Nghị định, Thông tư, các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai) và ban hành Công văn về công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản đến quần chúng nhân dân trên địa bàn xã.

1.2 Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về đất đai

UBND xã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, của xã tuyên truyền công tác quản lý và sử dụng đất đai đúng mục đích, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Trong 2 năm qua việc triển khai các Văn bản về tuyên truyền giáo dục pháp luật về đất đai đến với nhân dân trên địa bàn xã còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế.

2.2 Nguyên nhân:

Do tình hình dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp, hạn chế tập trung đông người.

III. Tình hình thực hiện các chính sách pháp luật về quản lý sử dụng đất nông nghiệp.

1. Về địa giới hành chính và quản lý địa giới hành chính

Xã Quài Nưa được giao quản lý 5 mốc 3 điểm địa giới hành chính

- (MC - QN) 2X.1; (MC- PN - QN)3X.6; (QN - QC)2X.1; (MT- QN-QC)3X.20; (PN-QN) 2X.1 và 3 điểm địa giới hành chính (PN-TM-QN); (QN-TM-TT); (QN-TT-QC);

1.1 Kết quả thực hiện

Trong những năm qua UBND xã đã phối hợp với phòng nội vụ huyện Tuần Giáo và đơn vị tư vấn khảo sát toàn bộ các mốc địa giới hành chính giáp danh với các xã và thống nhất lại những cột mốc đã cắm.

Căn cứ vào Quyết định 513 đã thống nhất cắt 1 phần diện tích 186 ha hiệu chỉnh từ xã Quài Nưa về xã Pú Nhung

1.2 Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại: Do địa bàn xã bị chia cắt đồi núi, thung lũng, có độ dốc cao địa hình phức tạp, nên việc xác định và bảo vệ mốc gặp nhiều khó khăn, người dân vẫn sản xuất xen canh

- Nguyên nhân: Người dân canh tác đất nương dẫy đã lâu năm nên việc xen canh giữa các xã và các bản sử dụng đất không sử dụng theo địa giới hành chính.

2. Thống kê, kiểm kê đất đai; lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

2.1. Kết quả thực hiện

Thực hiện công văn của cấp trên; căn cứ thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Xã đã thống kê và kiểm kê đất đai đảm bảo thời gian theo quy định.

Đối với công chức địa chính xác định công tác thống kê đất đai hàng năm là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời về diện tích các loại đất, đối tượng sử dụng đất đai tại thời điểm thống kê. Thông qua công tác thống kê đánh giá được hiện trạng dụng đất và kết

quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất, đồng thời trên cơ sở đó hoạch định chính sách phát triển kinh tế- xã hội có biện pháp xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các năm sau. Thống kê đất đai của xã được thực hiện đúng, đầy đủ theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên & Môi trường.

2.2 Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Tồn tại hạn chế.

Công tác xây dựng thống kê, kiểm kê đất đai còn gặp nhiều khó khăn, chưa chuyên sâu về công tác thống kê, kiểm kê đất đai, hiện tại xã vẫn thuê đơn vị tư vấn thống kê là chủ yếu, việc cập nhật các thông tin theo biến động về đất đai là do cơ quan chuyên môn của cấp trên cung cấp số liệu.

- Nguyên nhân.

Việc thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai xã chưa thực hiện được, cần có những lớp tập huấn cho cán bộ cấp xã để có chuyên môn về thống kê đất đai.

3. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

3.1. Kết quả thực hiện

Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm UBND xã đã triển khai hướng dẫn các cá nhân, hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn đăng ký nhu cầu sử dụng đất hàng năm để đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các năm.

- Việc đề xuất nhu cầu sử dụng đất của cấp xã khi điều chỉnh quy hoạch và khi lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

UBND xã đã phối hợp với phòng cơ quan chuyên môn của huyện, đơn vị tư vấn về công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của xã.

- Kiểm tra, rà soát điều chỉnh quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm tổ chức lấy ý kiến nhân dân về phương án quy hoạch, kế hoạch, khoanh vùng đối với đất trồng lúa, quy hoạch 3 loại rừng đảm bảo phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn

- Việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt tại UBND xã và lồng ghép với các hội nghị ở thôn, bản

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Công tác quy hoạch sử dụng đất hiện nay còn chông chéo, nhận thức của đại đa số người dân còn hạn chế, một số người dân đã vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất như: (Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, san gạt, đào đắp, cải tạo mặt bằng không xin phép..)

* Năm 2020

STT	Loại đất	Kế hoạch giao (ha)	Kết quả thực hiện (ha)		
			Diện tích	So sánh	
				Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất trồng lúa	275,11	275,11	-	-
	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	122,21	122,21	-	-

	<i>nước</i>				
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1.449,80	1.449,80	–	–
3	Đất trồng cây lâu năm	967,25	967,25	–	–
4	Đất rừng phòng hộ	530,95	530,95	–	–
5	Đất rừng sản xuất	818,07	818,07	–	–
6	Đất nuôi trồng thủy sản	51,57	51,57	–	–
7	Đất nông nghiệp khác	100	100	–	–

*** Năm 2021.**

STT	Loại đất	Kế hoạch giao (ha)	Kết quả thực hiện (ha)		
			Diện tích	So sánh	
				Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất trồng lúa	287,19	287,19	–	–
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	122,16	122,0216	-	-
2	Đất trồng cây hàng năm khác	2689,91	2689,91	–	–
3	Đất trồng cây lâu năm	621,20	621,20	–	–
4	Đất rừng phòng hộ	541,34	541,34	–	–
5	Đất rừng sản xuất	830,87	830,87	–	–
6	Đất nuôi trồng thủy sản	51,82	51,82	–	–
7	Đất nông nghiệp khác	74,47	74,47	–	–

4. Quản lý sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích; giao đất, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã.

4.1. Kết quả thực hiện

Trong năm 2020 -2021 UBND xã Quài Nưa đã cho thuê đất nông nghiệp, công ích cho 37 hộ với tổng diện tích 3,561ha; Đất công ích của xã không tập trung, kém hiệu quả, phân tán giải rác ở các bản trên địa bàn chủ yếu là đất ruộng một vụ và đất trồng cây hàng năm khác

- Tình hình sử dụng quỹ đất công ích: UBND xã cho ưu tiên cho các hộ gia đình khó khăn, cá nhân thiếu đất sản xuất thuê có thời hạn, thời hạn thuê 4 năm theo hợp đồng

- Việc thu, quản lý, sử dụng tiền cho thuê, khoán quỹ đất công ích xã trên địa bàn xã.

+ Việc quản lý số tiền cho thuê, khoán quỹ đất công ích xã trên địa bàn xã được thu nộp qua thủ quỹ.

+ Số tiền thu được từ cho thuê đất công ích của xã nộp vào ngân sách nhà nước tại kho bạc và Ngân hàng NN&PTNT huyện

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tồn tại, hạn chế: Đất công ích của xã, manh mún, nằm giải rác ở các hộ dân chủ yếu là đất lúa 1 vụ và cây trồng hàng năm khác trong vài năm gần đây do biến đổi khí hậu thời tiết thay đổi thất thường, hạn hán kéo dài thiếu nước sản xuất không canh tác được một số diện tích thất thu, thiếu nước.

5. Thực hiện thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất

5.1. Kết quả thực hiện

Trong năm 2020- 2021 trên địa bàn xã không xây dựng có các công trình cơ sở hạ tầng nên không có thu hồi và bồi thường trên địa bàn.

6. Công tác đăng ký đất đai; lập và quản lý hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6.1. Kết quả thực hiện:

UBND xã phối hợp với trung tâm quản lý đất đai, phòng tài nguyên & môi trường huyện thực hiện việc đăng ký đất đai theo quy định của Luật đất đai, xác nhận nguồn gốc, thời gian sử dụng đất ổn định, tình trạng tranh chấp đất, sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt, quản lý hồ sơ địa chính

Trong năm 2020-2021 UBND xã đã xác nhận việc cấp CNQSDĐ lần đầu cho 07 trường hợp theo quy định.

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc người dân hiểu về quyền lợi và nghĩa vụ trong lĩnh vực đất đai chưa sâu rộng nên việc đăng ký CGCNQSDĐ còn hạn chế.

7. Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất nông nghiệp.

7.1. Kết quả thực hiện

UBND xã, các trưởng bản thường xuyên kiểm tra phát hiện các hành vi lấn chiếm đất đai, phát hiện ngăn chặn kịp thời những trường hợp lấn chiếm đất không đúng mục đích, sử dụng đất trái với quy định của pháp luật.

Công tác quản lý, kiểm tra được UBND xã, cấp trên chỉ đạo đối với người sử dụng đất trong việc thực hiện các quyền sử dụng đất; Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất các lợi ích do công trình nhà nước phục vụ cải

tạo đất nông nghiệp. Được nhà nước hướng dẫn và giúp đỡ trong việc cải tạo đất nông nghiệp. Được nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của cá nhân, hộ gia đình. Được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của luật; Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình và cá nhân những hành vi khác vi phạm pháp luật về đất đai.

Ngoài việc được hưởng các quyền theo quy định người sử dụng đất cần nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại điều 170 Luật đất đai năm 2013 quy định. Sử dụng đất đúng mục đích, đúng danh giới thửa đất, đúng quy định về độ sâu trong lòng đất và chiều cao trên không, bảo vệ các công trình công cộng trong lòng đất và tuân theo các quy định khác của pháp luật.

7.2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Tăng cường công tác tuyên truyền cho nhân dân trên đại bàn xã nâng cao nhận thức vai trò trong công tác quản lý và sử dụng đất, nhất là quỹ đất nông nghiệp của xã.

8. Công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng đất nông nghiệp và việc xử lý vi phạm trong quản lý và sử dụng đất nông nghiệp.

8.1. Kết quả thực hiện

Công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đã được UBND xã quan tâm, thường xuyên kiểm tra, tuần tra phát hiện và xử lý, ngăn chặn kịp thời.

Trong 2 năm 2020-2021 có 04 vụ vi phạm san, lấp mặt bằng, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất.

- San ủi mặt bằng 01 vụ đã kịp thời ngăn chặn và lập biên bản đình chỉ

- Tự ý đổ đất vào ruộng 03 vụ UBND xã đã kịp thời ngăn chặn 02 vụ, 01 vụ UBND xã lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt theo quy định và buộc tháo dỡ các công trình vi phạm ông: Bùi Xuân Thơ Bản Minh Thắng xã Quài Nưa đã tự ý chuyển mục đích đất trồng lúa chuyển sang đất ở.

8.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Công tác quản lý đất đai còn nhiều bất cập việc xử lý một số hộ dân tự ý chuyển mục đích sử dụng đất chưa triệt để, nên một số hộ lợi dụng ngày nghỉ, ban đêm để đổ đất và dựng nhà.

9. Giải quyết tranh chấp đất đai; khiếu nại tố cáo về quản lý và sử dụng đất nông nghiệp.

9.1. Kết quả thực hiện

- Trong năm 2020 -2021 UBND xã không nhận được đơn thư khiếu nại , tố cáo về đất đai.

Về tranh chấp đất đai:

- Năm 2020 UBND xã nhận được 04 đơn thư của công dân đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai;

- Số đơn đã hòa giải tại xã là 04

- Số đơn hòa giải thành tại xã 02
- Số đơn hòa giải không thành gửi lên cấp trên giải quyết 02
- Năm 2021 UBND xã nhận được 05 đơn thư của công dân đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai;

- Số đơn đã hòa giải tại xã 05
- Số đơn hòa giải thành tại xã 01
- Số đơn hòa giải không thành gửi lên cấp trên giải quyết 04

9.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Do trình độ dân trí còn thấp, người dân hiểu về luật đất đai còn hạn chế. công tác hòa giải tranh chấp đất đai ở cấp xã còn gặp những khó khăn khi xã chưa có bản đồ địa chính, đa số đất chưa được cấp GCNQSD đất, một số hộ dân đòi lại đất ông cha ngày xưa.

IV. Đánh giá chung

1. Những kết quả đạt được

Sau khi Luật đất đai 2013 và các văn bản quy định chi tiết luật đất đai có hiệu lực thi hành, công tác quản lý nhà nước về đất đai, trong đó đất nông nghiệp đóng vai trò quan trọng và đạt được những kết quả tích cực trên nhiều mặt phát triển kinh tế - xã hội, trật tự an ninh được giữ vững

- Thường xuyên tổ chức triển khai luật đất đai 2013 và các và các văn bản quy định chi tiết Luật đất đai đến đại bộ phận nhân dân để Luật đất đai đi vào cuộc sống, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp Luật được quan tâm thường xuyên thông qua các hội nghị thôn, bản và các hội nghị của UBND xã.

Từng bước nâng cao năng lực công tác quản lý sử dụng đất, nhất là trong công tác quản lý đất nông nghiệp của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn

Trong những năm qua Ủy ban xã đã tham mưu cho cấp có thẩm quyền, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai trên địa bàn, phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện giải quyết những công việc phức tạp, tồn tại, vướng mắc các công trình dự án, giải phóng mặt bằng, giải quyết kịp thời những quyền lợi của người dân.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Việc quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất chưa sát với tình hình thực tiễn, đất dành cho sản xuất nông nghiệp giảm nhiều, do người dân không canh tác lúa nương, sản tình trạng sử dụng đất, lấn chiếm và chuyển mục đích đất nông nghiệp còn diễn ra trên địa bàn.

Do địa bàn đồi núi cao, dốc, đất nông nghiệp thì manh mún không đồng đều, không canh tác được những khu vực núi cao đất dốc công tác cấp giấy CNQSDĐ nông nghiệp, lâm nghiệp còn chậm, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp chưa cao, việc lấn chiếm, tranh chấp đất đai còn xảy ra trên địa bàn.

3. Các giải pháp để thực hiện tốt việc quản lý sử dụng đất nông nghiệp trong thời gian tới.

Từng bước nâng cao năng lực công tác quản lý sử dụng đất nhất là trong công tác quản lý đất nông nghiệp của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn xã

Tham mưu, đề xuất kịp thời cho cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành liên quan của huyện, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về đất đai đến nhân dân trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra các bản và 2 tuyến quốc lộ 6A và QL 279, các cụm dân cư, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi, vi phạm về đất đai chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn, các ngành đoàn thể làm tốt công tác bảo vệ và quản lý đất nông nghiệp trên địa bàn xã.

- Phát hiện và xử lý kịp thời những hộ gia đình, cá nhân tự ý chuyển đổi mục đích, lấn chiếm đất nông nghiệp.

V. Kiến nghị, đề xuất

Đẩy nhanh tiến độ giao đất, giao rừng theo kế hoạch 98/KH - UBND huyện Tuần Giáo.

Tiếp tục thực hiện đề án 513/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính; Đẩy nhanh tiến độ việc giao đất ở theo quyết định 221 của Ủy ban nhân tỉnh Điện Biên.

Trên đây là báo cáo việc thực hiện các chính sách, pháp luật và quản lý sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn xã Quài Nưa năm 2020-2021./.

Nơi nhận:

- Đoàn Giám sát HĐND huyện;
- Lưu VP.

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lò Văn Pọm

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐẤT NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH
CÔNG ÍCH TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31.12.2021**

(Kèm theo báo cáo số 91/BC-UBND, ngày 26/4/2022 của UBND xã)

Biểu 1b

STT	Loại đất	Diện tích đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích trên địa bàn					Ghi chú
		Tổng diện tích đất công ích (ha)	Diện tích đã sử dụng cho các mục đích tính đến 31.12.2021				
			Xây dựng các công trình (ha)	Bồi thường cho hộ gia đình, cá nhân (ha)	Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương (ha)	Cho hộ gia đình, cá nhân thuê (ha)	
1	Đất trồng lúa	3,5610	0	0	0	3,5610	
2	Đất trồng cây hàng năm	0	0	0	0	0	
3	Đất trồng cây lâu năm	0	0	0	0	0	
4	Đất nuôi trồng thủy sản	0	0	0	0	0	
	Cộng						

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU GIAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP
TRONG CÁC NĂM 2020, 2021**

(Kèm theo báo cáo số 91 /BC-UBND, ngày 26/4/2022 của UBND xã)

Biểu 2b

STT	Loại đất	Tổng diện tích đất đã giao (ha)	Số hộ gia đình, cá nhân được giao đất	Ghi chú
A	Năm 2020			
1	Đất trồng lúa	0	0	
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	0	0	
2	Đất trồng cây hàng năm khác	0	0	
3	Đất trồng cây lâu năm	0	0	
4	Đất rừng phòng hộ	0	0	
5	Đất rừng sản xuất	0	0	
6	Đất nuôi trồng thủy sản	0	0	
7	Đất nông nghiệp khác	0	0	
B	Năm 2021			
1	Đất trồng lúa	0	0	
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	0	0	
2	Đất trồng cây hàng năm khác	0	0	
3	Đất trồng cây lâu năm	0	0	
4	Đất rừng phòng hộ	0	0	
5	Đất rừng sản xuất	0	0	
6	Đất nuôi trồng thủy sản	0	0	
7	Đất nông nghiệp khác	0	0	

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHO THUÊ ĐẤT NÔNG NGHIỆP
TẠI THỜI ĐIỂM NĂM 2020, 2022**

(Kèm theo báo cáo số 91 /BC-UBND, ngày 26/4/2022 của UBND xã)

Biểu 3b

STT	Loại đất	Tổng diện tích đất cho thuê (ha)	Số hộ gia đình, cá nhân được thuê đất	Ghi chú
A	Năm 2020			
1	Đất trồng lúa	0	0	0
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	0	0	0
2	Đất trồng cây hàng năm khác	0	0	0
3	Đất trồng cây lâu năm	0	0	0
4	Đất rừng phòng hộ	0	0	0
5	Đất rừng sản xuất	0	0	0
6	Đất nuôi trồng thủy sản	0	0	0
7	Đất nông nghiệp khác	0	0	0
B	Năm 2021			
1	Đất trồng lúa	0	0	0
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	0	0	0
2	Đất trồng cây hàng năm khác	0	0	0
3	Đất trồng cây lâu năm	0	0	0
4	Đất rừng phòng hộ	0	0	0
5	Đất rừng sản xuất	0	0	0
6	Đất nuôi trồng thủy sản	0	0	0
7	Đất nông nghiệp khác	0	0	0

TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG CÁC NĂM 2020, 2021

(Kèm theo báo cáo số 91/BC-UBND, ngày 26/4/2022 của UBND xã)

Biểu 4b

STT	Loại đất	Diện tích đất đã chuyển mục đích sử dụng trong các năm				Ghi chú
		Tổng diện tích chuyển đổi (ha)	Trong đó			
			Chuyển sang đất phi nông nghiệp (ha)	Chuyển sang đất nông nghiệp khác (ha)	Người dân tự ý chuyển mục đích sử dụng (ha)	
A	Năm 2020					
1	Đất trồng lúa	0	0	0	0	
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	0	0	0	0	
2	Đất trồng cây hàng năm khác	0	0	0	0	
3	Đất trồng cây lâu năm	0	0	0	0	
4	Đất rừng phòng hộ	0	0	0	0	
5	Đất rừng sản xuất	0	0	0	0	
6	Đất nuôi trồng thủy sản	0	0	0	0	
7	Đất nông nghiệp khác	0	0	0	0	
B	Năm 2021					
1	Đất trồng lúa	0			0	
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	0	0	0	0	
2	Đất trồng cây hàng năm	0	0	0	0	
3	Đất trồng cây lâu năm	0	0	0	0	
4	Đất rừng phòng hộ	0	0	0	0	
5	Đất rừng sản xuất	0	0	0	0	
6	Đất nuôi trồng thủy sản	0	0	0	0	
7	Đất nông nghiệp khác	0	0	0	0	

